

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 08 tháng 9 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 14/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S (S);**

Địa chỉ trụ sở: Lầu 8, 266 - 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm - Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Xuân Hiền - Giám đốc S Chi nhánh Thủ Đức;

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Trần Thu Hương - Phó phòng PGD H, S Chi nhánh Thủ Đức và ông Nguyễn Đức Hảo - Chuyên viên KHCN PGD H, S Chi nhánh Thủ Đức.

- Bị đơn: Ông **Trần Đức T**, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2. 1. Về việc vay nợ, nghĩa vụ trả nợ và phương thức trả nợ:

2.1.1. Ngày 25 tháng 11 năm 2019, ông Trần Đức T có ký với Ngân hàng TMCP S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Trần Đức T, Ngân hàng TMCP S đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là: 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), mục đích tiêu dùng cá nhân, số tài khoản thẻ là: 3446993994 mở tại S, Phòng Giao dịch H; địa chỉ: Số XX H, phường H, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

2.1.2. Tính đến ngày 08 tháng 9 năm 2022, ông Trần Đức T còn nợ Ngân hàng TMCP S tổng số tiền 103.986.886 đồng (một trăm linh ba triệu, chín trăm tám mươi sáu nghìn, tám trăm tám mươi sáu đồng), trong đó: Nợ gốc: 69.752.359 đồng (sáu mươi chín triệu, bảy trăm năm mươi hai nghìn, ba trăm năm mươi chín đồng). Lãi quá hạn: 34.234.527 đồng (ba mươi tư triệu, hai trăm ba mươi tư nghìn, năm trăm hai mươi bảy đồng).

2.1.3. Đối với khoản nợ gốc, lãi 103.986.886 đồng, Ngân hàng TMCP S giảm lãi cho ông Trần Đức T số tiền là 23.986.886 đồng (hai mươi ba triệu, chín trăm tám mươi sáu nghìn, tám trăm tám mươi sáu đồng). Như vậy: Số tiền nợ gốc còn lại là 69.752.359 đồng, số tiền nợ lãi còn lại là 10.247.641. Tổng nợ gốc, lãi còn lại là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng). Số tiền này, ông Trung có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP S trong thời hạn 16 tháng kể từ tháng 9 năm 2022 vào ngày 15 hàng tháng theo các kỳ thanh toán như sau:

- Kỳ 1: Ngày 15 tháng 9 năm 2022, ông Trần Đức T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng);
- Kỳ 2: Ngày 15 tháng 10 năm 2022, ông Trần Đức T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng);
- Kỳ 3: Ngày 15 tháng 11 năm 2022, ông Trần Đức T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng);
- Kỳ 4: Ngày 15 tháng 12 năm 2022, ông Trần Đức T có trách nhiệm

thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng);

- Kỳ 5: Ngày 15 tháng 01 năm 2023, ông Trần Đức T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng);

- Kỳ 6: Ngày 15 tháng 02 năm 2023, ông Trần Đức T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng);

- Kỳ 7: Ngày 15 tháng 03 năm 2023, ông Trần Đức T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng);

- Kỳ 8: Ngày 15 tháng 4 năm 2023, ông Trần Đức T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng);

- Kỳ 9: Ngày 15 tháng 5 năm 2023, ông Trần Đức T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng);

- Kỳ 10: Ngày 15 tháng 6 năm 2023, ông Trần Đức T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng);

- Kỳ 11: Ngày 15 tháng 7 năm 2023, ông Trần Đức T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng);

- Kỳ 12: Ngày 15 tháng 8 năm 2023, ông Trần Đức T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng);

- Kỳ 13: Ngày 15 tháng 9 năm 2023, ông Trần Đức T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng)

- Kỳ 14: Ngày 15 tháng 10 năm 2023, ông Trần Đức T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng);

- Kỳ 15: Ngày 15 tháng 11 năm 2023, ông Trần Đức T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng)

- Kỳ 16: Ngày 15 tháng 12 năm 2023, ông Trần Đức T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Trường hợp sau ngày 15 tháng 9 năm 2022, ông Trần Đức T vi phạm bất kỳ kỳ thanh toán nào thì Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền buộc ông Trung tắt toán một lần đối với toàn bộ khoản nợ.

Kể từ sau ngày 15 tháng 9 năm 2022, ông Trần Đức T vẫn tiếp tục phải chịu các khoản lãi theo hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết tính trên số nợ gốc và lãi cho đến khi tắt toán toàn bộ khoản vay cho Ngân hàng TMCP S.

2. Về án phí: Ngân hàng TMCP S và ông Trần Đức T mỗi bên phải chịu 1.000.000 đồng (một triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ số tiền án phí dân sự Ngân hàng TMCP S phải chịu với số tiền 2.280.000 đồng (hai triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng) Ngân hàng TMCP S đã nộp tạm ứng án phí, như vậy, Ngân hàng TMCP S được nhận lại số tiền 1.280.000 đồng (một triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001213 đề ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thùy Dương

